

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1160/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phạm Ngọc Ch, sinh năm 1978;

Bà Lê Thị Đông Th, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: 94B Tây Sơn, phường T, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ch và bà Th tự nguyện chung sống vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2006, quyển số 01 ngày 13/6/2006.06/2015, quyển số

Quá trình sống chung, khoảng thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2015 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính là do lối sống, tính cách không còn phù hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã do cách nuôi dạy, chăm sóc con, chi tiêu về kinh tế trong gia đình, từ đó cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không giải quyết được. Nay hai bên nhận thấy không còn tình cảm, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Ch và bà Th xác nhận 01 con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 10/9/2006. Khi ly hôn, ông Ch và bà Th thỏa thuận bà Th trực tiếp nuôi con chung, ông Ch cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Ông Ch và bà Th cùng xác nhận không có.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Ch và bà Th cùng xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc Ch và bà Lê Thị Đông Th thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Phạm Ngọc Ch và bà Lê Thị Đông Th chấm dứt, Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2006, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường 7, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/6/2006 hết hiệu lực kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Bà Th trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 10/9/2006. Ông Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 01/2020 cho đến khi con chung trưởng thành.

+ Ông Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Ch và bà Th cùng xác nhận không có.

- Về các vấn đề khác: Ông Ch và bà Th cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do ông Ch và bà Th chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Ch và Th đã nộp theo Biên lai thu số 0020085 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Đương sự đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tuyết Nhung